

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính Phủ về việc sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Thủ

twớng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số 07:2016/BXD về hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2201/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của UBND huyện Châu Thành và thẩm định của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, với nội dung như sau:

1. Tên đồ án:

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Phạm vi ranh giới, quy mô đất đai:

- Khu vực lập quy hoạch thuộc toàn bộ ranh giới hành chính huyện Châu Thành, với diện tích 23.614,6 ha, bao gồm thị trấn Châu Thành và 07 xã: Thuận Hòa, Hồ Đắc Kiện, Thiện Mỹ, An Hiệp, An Ninh, Phú Tâm, Phú Tân.

- Ranh giới cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp huyện Kế Sách;
- + Phía Tây Bắc giáp tỉnh Hậu Giang;
- + Phía Đông giáp thành phố Sóc Trăng và huyện Long Phú;
- + Phía Tây và phía Nam giáp huyện Mỹ Tú.

3. Mục tiêu phát triển, tính chất, tiềm năng và động lực phát triển vùng:

a) *Quan điểm, mục tiêu phát triển*

- Quan điểm phát triển:

+ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành đảm bảo phù hợp với các định hướng quy hoạch, các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Vùng

ĐBSCL, của tỉnh và của huyện có liên quan.

+ Quy hoạch trên cơ sở đảm bảo sự phát triển bền vững về môi trường tự nhiên, thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

+ Quy hoạch phải khai thác được các thế mạnh về địa lý tự nhiên, tài nguyên đất đai, giao thông kết nối, mối quan hệ với các đô thị, khu vực xung quanh và phù hợp với các yếu tố văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

+ Cập nhật và kết nối các dự án đang và sẽ triển khai trong phạm vi quy hoạch và các dự án, định hướng quy hoạch các vùng xung quanh có liên quan.

+ Đề xuất các giải pháp, chính sách, giải pháp phân kỳ đầu tư phù hợp với điều kiện của địa phương nhằm khai thác hiệu quả các nguồn vốn trong và ngoài ngân sách.

- Mục tiêu phát triển:

+ Cụ thể hóa định hướng Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sóc Trăng, các định hướng quy hoạch có liên quan trên địa bàn tỉnh và cụ thể hóa mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội huyện Châu Thành theo Nghị quyết Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020-2025.

+ Quy hoạch huyện Châu Thành theo các tiêu chí của huyện nông thôn mới nhằm xác định thực trạng và các nhiệm vụ cần triển khai làm cơ sở từng bước hoàn thiện các tiêu chí huyện nông thôn mới theo quy định.

+ Nghiên cứu định hướng phát triển không gian vùng huyện, phân vùng chức năng phát triển phù hợp với các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của huyện đề ra trong mối quan hệ với vùng tỉnh và các khu vực xung quanh. Xây dựng huyện Châu Thành có hình ảnh đặc trưng hấp dẫn du khách và nhà đầu tư, phát huy bản sắc văn hóa, đảm bảo an ninh quốc phòng và thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Xác định cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng, lập các quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư và kêu gọi đầu tư trên địa bàn huyện.

b) Tính chất

- Là vùng phát triển theo hướng tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm: công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, vận tải, đô thị và phát triển nông nghiệp kết hợp ứng dụng công nghệ cao.

- Phát huy lợi thế về giao thông kết nối, vị trí tiếp giáp với thành phố Sóc Trăng để phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu thương mại, dịch vụ, du lịch, đô thị và là vùng nguyên liệu về nông nghiệp; đồng thời, nghiên cứu phát triển bền vững ngành nông nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất.

- Định hướng huyện Châu Thành trở thành huyện nông thôn mới - hiện đại vào giai đoạn 2020-2025. Có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước được đầu tư đồng bộ và phát triển toàn diện.

c) Tiềm năng và động lực phát triển vùng

- Tiềm năng:

+ Châu Thành có tiềm năng phát triển nông nghiệp chất lượng cao với các sản phẩm OCOP địa phương và có tiềm năng phát triển công nghiệp chế biến và thương mại, dịch vụ. Ngoài ra, huyện có đặc trưng văn hóa dân tộc thuận lợi phát triển du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng; duy trì, phát triển nâng tầm các lễ hội truyền thống; khai thác các giá trị văn hóa, đời sống sinh hoạt của đồng bào dân tộc Khmer.

+ Có vị trí là cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Sóc Trăng, hệ thống giao thông thuận lợi, tiếp cận các tuyến giao thông Quốc gia và các tuyến đường tỉnh giúp kết nối tốt các xã trên địa bàn huyện, các địa phương khác trong và ngoài tỉnh nhất là các đô thị trung tâm của Vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Động lực phát triển:

+ Hình thành các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện là động lực lớn thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

+ Các tuyến giao thông đối ngoại như Cao tốc, Quốc lộ đang triển khai và hình thành trong tương lai kết nối với hệ thống giao của huyện sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy liên kết vùng cho huyện Châu Thành và cho tỉnh Sóc Trăng.

+ Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp dịch vụ du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng.

4. Dự báo các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản:

4.1. Các chỉ tiêu về tăng trưởng kinh tế

Cơ cấu kinh tế huyện chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng khu vực nông, lâm, thủy sản; tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Tốc độ tăng trưởng bình quân theo các giai đoạn như sau:

- Giai đoạn đến năm 2030: Khoảng 7,5 - 8,0%/năm.
- Giai đoạn đến năm 2040: Khoảng 8,5 - 9,0%/năm.
- Giai đoạn tầm nhìn đến 2050: Khoảng 9,5 - 10,0%/năm.

4.2. Dự báo quy mô dân số

Dự báo dân số huyện Châu Thành (bao gồm dân số tăng tự nhiên, tăng cơ học và dân số quy đổi từ khách vắng lại, du lịch) theo từng giai đoạn cụ thể:

- Đến năm 2025: Dân số toàn huyện khoảng 133.400 - 135.400 người.
- Đến năm 2030: Dân số toàn huyện khoảng 139.200 - 144.200 người.
- Đến năm 2040: Dân số toàn huyện khoảng 155.400 - 161.000 người.
- Đến năm 2050: Dân số toàn huyện khoảng 171.280 - 176.400 người.

4.3. Dự báo tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn quy hoạch

- Đến năm 2025: Khoảng 26 - 27%.
- Đến năm 2030: Khoảng 27 - 31%.
- Đến năm 2040: Khoảng 31 - 33%.

- Đến năm 2050: Khoảng 32 - 35%.

4.4. Các chỉ tiêu kỹ thuật và sử dụng đất:

a) Dự báo nhu cầu đất dân dụng đô thị:

- Chỉ tiêu đất dân dụng bình quân toàn đô thị loại IV: 50-80 m²/người.

- Chỉ tiêu đất dân dụng bình quân toàn đô thị loại V: 70-100 m²/người.

b) Các chỉ tiêu cơ bản khác:

- Chỉ tiêu cây xanh đô thị: $\geq 4 - 5$ m²/người (tùy theo loại đô thị).

- Tỷ lệ đất giao thông đô thị tính đến đường phân khu vực so với đất xây dựng đô thị: $\geq 18\%$.

- Tiêu chuẩn cấp nước:

+ Tiêu chuẩn cấp nước đô thị: 100 - 120 lít/người/ngày đêm (tùy theo loại đô thị).

+ Tiêu chuẩn cấp nước nông thôn: 60 - 100 lít/người/ngày đêm (tùy theo định hướng hình thành đô thị của các xã trong từng giai đoạn).

- Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý: $\geq 80\%$ lượng nước cấp.

- Chỉ tiêu chất thải rắn:

+ Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt: 0,8 - 0,9 kg/người.ngày (tùy theo loại đô thị).

+ Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị: $\geq 98\%$.

+ Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn nguy hại: 100%.

- Chỉ tiêu cấp điện:

+ Phụ tải điện sinh hoạt đô thị: ≥ 330 W/người.

+ Phụ tải điện sinh hoạt nông thôn: ≥ 150 W/người.

- Tỷ lệ đường phố trong đô thị được chiếu sáng từ 80 - 90% (tùy theo loại đô thị), tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng: $\geq 50\%$;

5. Định hướng phát triển không gian vùng:

5.1. Mô hình phát triển không gian vùng:

a) Mô hình phát triển không gian vùng:

Không gian vùng huyện phát triển theo mô hình đô thị kết hợp cụm tuyến, hình thành và phát triển thành 04 tiểu vùng, gắn với trục giao thông chủ đạo là Quốc lộ 1. Đô thị hạt nhân là thị trấn Châu Thành kết nối với các đô thị vệ tinh là đô thị Phú Tâm, đô thị An Hiệp và đô thị An Ninh. Trung tâm tiểu vùng được kết nối với nhau thông qua các tuyến giao thông chủ đạo gắn với các khu dân cư phát triển theo tuyến tạo nên cấu trúc "cụm - tuyến", không gian đất nông nghiệp xen kẽ ở giữa là vùng đệm xanh sinh thái.

b) Các phân vùng quản lý phát triển:

Toàn huyện được chia thành 04 tiểu vùng:

- Tiểu vùng 1 - Phát triển trọng tâm là Đô thị - Công nghiệp: Gồm thị trấn Châu Thành và một phần xã: An Hiệp, Thuận Hòa, Hồ Đắc Kiện.

- Tiểu vùng 2 - Phát triển trọng tâm là Nông nghiệp kết hợp Du lịch văn hóa, làng nghề và các chức năng đô thị: Gồm Phú Tâm và một phần xã Phú Tân.

- Tiểu vùng 3 - Phát triển trọng tâm là Nông nghiệp kết hợp Du lịch sinh thái: Gồm xã Thiện Mỹ, xã An Ninh và một phần các xã: Hồ Đắc Kiện, Thuận Hòa, An Hiệp.

- Tiểu vùng 4 - Phát triển Đô thị - Công nghiệp: Gồm một phần các xã: Phú Tân, An Hiệp, An Ninh.

5.2. Phân bố các không gian phát triển:

a) Không gian phát triển công nghiệp:

Phân bố chủ yếu ở Tiểu vùng 1 và Tiểu vùng 4 tại các xã An Hiệp, An Ninh, Hồ Đắc Kiện, Thuận Hòa. Không gian công nghiệp bao gồm các khu công nghiệp và cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 740 ha.

b) Không gian phát triển nông nghiệp:

Phân bố chủ yếu ở Tiểu vùng 2 và Tiểu vùng 3 tại các xã Phú Tân, Phú Tâm, Thiện Mỹ, xã An Ninh, Hồ Đắc Kiện, Thuận Hòa, An Hiệp. Không gian nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn đan xen một số khu chức năng đô thị, thương mại dịch vụ - du lịch bổ trợ. Quy mô diện tích 02 tiểu vùng nông nghiệp khoảng 17.435 ha.

c) Không gian phát triển lâm nghiệp:

Phân trường Phú Lợi với quy mô diện tích 931,26 ha, được định hướng ưu tiên phát triển các chức năng chính là rừng sản xuất song song kết hợp phát triển các chức năng về Nông nghiệp, Du lịch, Năng lượng. Ngoài ra, nhằm kết hợp hỗ trợ cho các chức năng của Phân trường như hỗ trợ sản xuất lâm nghiệp, nông nghiệp, kết hợp khai thác du lịch, hỗ trợ cho các hoạt động khai thác về năng lượng và cung cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho các khu vực trong tỉnh, đề xuất nghiên cứu khai thác xây dựng dự án về cấp nước như: xây dựng nhà máy nước, xây dựng hồ chứa nước kết hợp cảnh quan,....

d) Không gian phát triển thương mại dịch vụ:

Phân bố trung tâm thương mại dịch vụ theo hình thức tập trung thành công trình có quy mô lớn gắn với các khu vực phát triển đô thị và du lịch, hoặc phân tán với các công trình quy mô nhỏ theo tuyến, theo khu vực tại các khu vực dân cư nông thôn.

e) Không gian phát triển du lịch:

Phân bố chủ yếu ở Tiểu vùng 2, gồm các khu chức năng sau:

- Khu du lịch văn hóa tín ngưỡng Giếng Tiên, xã Phú Tân.
- Điểm du lịch Tân Huê Viên xã An Hiệp.
- Du lịch văn hóa cộng đồng trên địa bàn xã Phú Tân và xã Phú Tâm.

Ngoài ra, khai thác du lịch tâm linh gắn với các chùa mang sắc thái

Khmer và tận dụng sông rạch tự nhiên và các vùng sản xuất nông nghiệp có tiềm năng khai thác du lịch sinh thái, trải nghiệm, du lịch cộng đồng để phát triển không gian du lịch đan xen tại các Tiểu vùng khác.

5.3. Tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn:

a) Định hướng phát triển đô thị:

- Đô thị Châu Thành: Trong giai đoạn đến năm 2030, đô thị Châu Thành nâng cấp từ đô thị loại V thành đô thị loại IV; là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của huyện Châu Thành.

- Đô thị Phú Tâm: Trong giai đoạn đến năm 2025, hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại V và trở thành thị trấn, hướng tới nâng chất đô thị loại V ở giai đoạn sau năm 2025.

- Đô thị An Hiệp: Trong giai đoạn đến năm 2025, nâng cấp xã An Hiệp thành đô thị loại V, hướng tới nâng chất đô thị loại V ở giai đoạn sau năm 2025.

- Đô thị An Ninh: Trong giai đoạn sau năm 2030, nâng cấp xã An Ninh thành đô thị loại V.

b) Định hướng phát triển dân cư nông thôn:

- Định hướng phát triển dân cư nông thôn trên cơ sở đồ án quy hoạch nông thôn các xã đã được phê duyệt; theo hướng tập trung phát triển phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới và các nhu cầu phục vụ đời sống, sản xuất trên địa bàn xã. Khu vực nông thôn đóng vai trò là hành lang xanh, cần kiểm soát việc xây dựng hợp lý, sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp tránh ảnh hưởng quỹ đất canh tác có năng suất cao.

- Đối với các trung tâm xã: Mở rộng, nâng cấp, cải tạo các trung tâm xã hiện hữu và kết hợp xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ theo quy hoạch, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cho xã.

- Các điểm dân cư tập trung: Phát triển các điểm dân cư tập trung trên cơ sở các điểm dân cư hiện hữu, cải tạo chỉnh trang kết hợp xây dựng mới đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo bán kính phục vụ cho người dân, kết nối đô thị và khu dân cư hiện hữu, khai thác tối đa điều kiện tự nhiên và cảnh quan thiên nhiên để phát triển phù hợp địa hình, tập quán của người dân, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của địa phương.

5.4. Định hướng phát triển hệ thống công trình hạ tầng xã hội:

a) Trung tâm hành chính:

Nâng cấp, cải tạo Trung tâm hành chính cấp huyện hiện hữu; cải tạo, nâng cấp và đầu tư xây dựng Trung tâm hành chính cấp xã, Trung tâm hành chính các đô thị mới tuân thủ theo quy hoạch nông thôn và quy hoạch đô thị.

b) Trung tâm giáo dục, đào tạo:

- Rà soát, sắp xếp lại các điểm trường hiện hữu, đầu tư xây dựng mới một số cơ sở giáo dục đạt chuẩn Quốc gia. Rà soát nâng cấp hoặc xây mới các trường THPT tại các tiểu vùng theo nhu cầu phát triển ở từng giai đoạn để giảm

bán kính phục vụ và đảm bảo khi dân số phát triển, ưu tiên xây dựng cho khu vực tiểu vùng 2 (khu vực đô thị Phú Tâm dự kiến hình thành thị trấn) và tiểu vùng 3 (phục vụ cho dân cư cụm xã thuộc các xã Hồ Đắc Kiện, Thiện Mỹ, An Ninh),. Xây dựng một số điểm Trường tiểu học, Trung học cơ sở chất lượng cao có tổ chức bán trú/nội trú theo quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn đã phê duyệt

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục đào tạo, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia góp phần tạo động lực và nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện Châu Thành.

- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất cho Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên hiện hữu. Đào tạo các ngành nghề đáp ứng nguồn nhân lực có chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong thời gian tới, trong đó chú trọng nhân lực cho phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với công nghệ tiên tiến.

c) Trung tâm Văn hóa - Thể dục thể thao:

- Trung tâm Văn hóa - Thể dục Thể thao huyện Châu Thành được đầu tư xây dựng tại thị trấn Châu Thành, đầu tư nâng cấp theo từng giai đoạn phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu của địa phương trong tương lai.

- Đầu tư xây dựng các công trình Văn hóa - Thể dục Thể thao tại các xã, thị trấn, đồng thời đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các thiết chế văn hóa của huyện đảm bảo đạt chuẩn theo quy định, xây dựng các khu công viên, cây xanh, quảng trường, sân bãi thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí nhằm phục vụ, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

d) Trung tâm y tế:

- Nâng cấp, cải tạo Trung tâm y tế huyện Châu Thành và từng bước mở rộng quy mô phục vụ khi dân số ngày càng phát triển. Rà soát, nâng cấp, sửa chữa các trạm y tế xã hiện có theo hướng hiện đại trang thiết bị khám chữa bệnh, tăng quy mô số giường bệnh đáp ứng nhu cầu khám, điều trị bệnh của người dân.

- Xã hội hóa hệ thống cơ sở y tế, phát triển mạnh các cơ sở y tế ngoài công lập (cơ sở khám chữa bệnh, xét nghiệm, tư vấn sức khỏe, y học cổ truyền, ...; các loại hình dịch vụ y tế kết hợp với nghỉ dưỡng, phục hồi sức khỏe, bảo trợ người cao tuổi...). Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại hệ thống trạm y tế cơ sở các xã, thị trấn.

e) Trung tâm thương mại dịch vụ:

Hệ thống trung tâm thương mại gắn với các khu vực phát triển đô thị, khu dân cư tập trung và điểm du lịch, bao gồm các cấp:

- Trung tâm thương mại cấp huyện được nâng cấp cải tạo từ chợ Trà Quýt.

- Trung tâm thương mại dịch vụ cấp khu vực phục vụ cho khu vực các cụm xã, gồm:

+ Trung tâm thương mại phục vụ khu vực phía Bắc và phía Đông huyện: Ở các đô thị loại V như Phú Tâm, An Ninh, An Hiệp.

+ Trung tâm thương mại phục vụ khu vực phía Tây huyện: Ở xã Thiện Mỹ.

- Các điểm thương mại dịch vụ du lịch sinh thái.

- Phát triển các chợ dân sinh tại các xã, thị trấn phục vụ nhu cầu nhân dân.

f) Trung tâm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp:

Các khu chức năng hỗ trợ sản xuất nông nghiệp của huyện, gồm:

- Khu chức năng sản xuất công nghiệp: Là các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện.

- Khu chức năng khai thác du lịch, thương mại kết hợp sản xuất nông nghiệp: Là các làng nghề xã Phú Tân và Phú Tâm.

Trường hợp cần thiết, đầu tư các khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn về thương mại, về dịch vụ sản xuất nông nghiệp, dịch vụ thị trường; nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao phù hợp với quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn.

5.5. Phân bố và xác định quy mô các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên:

Khu vực ưu tiên thực hiện các giải pháp nhằm bảo tồn và bảo vệ, tôn tạo gồm:

- Khu văn hóa tín ngưỡng Giếng Tiên, xã Phú Tân.

- Khu làng nghề, văn hóa cộng đồng trên địa bàn xã Phú Tân, Phú Tâm; các điểm công trình mang sắc thái dân tộc Khmer; khu vực có văn hóa lễ hội truyền thống ...

- Khai thác phù hợp và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên khu vực ven các tuyến sông rạch chính trên địa bàn gồm: kênh Phụng Hiệp - Sóc Trăng, sông Phú Tâm, ...

5.6. Định hướng khu vực an ninh quốc phòng:

Bổ sung quỹ đất an ninh, quốc phòng để phát triển các cơ sở vật chất và đầu tư xây dựng các khu vực phục vụ mục tiêu an ninh, quốc phòng của huyện. Bao gồm:

- Khu vực trụ sở Huyện đội (thuộc thị trấn Châu Thành) và trụ sở cơ quan quân sự cấp xã, thị trấn;

- Khu vực trụ sở Công an huyện (thuộc thị trấn Châu Thành), trụ sở công an thị trấn và các xã;

- Khu vực trại tạm giam của Công an tỉnh (thuộc địa bàn xã Phú Tân).

6. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng:

6.1. Định hướng phát triển hệ thống giao thông:

a) *Giao thông bộ:*

Mạng lưới giao thông đường bộ trong vùng huyện gồm: Đường Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị, đường giao thông nông thôn và các công trình đầu mối giao thông, được định hướng như sau:

- Quốc lộ: Gồm có 02 tuyến là Quốc lộ 1 và Quốc lộ 60.

- Đường tỉnh: Gồm 05 tuyến: Đường tỉnh 932, Đường tỉnh 932D, Đường tỉnh 938, Đường tỉnh 939 và Đường tỉnh 939B.

(Quốc lộ và đường tỉnh tuân thủ hướng tuyến, lộ giới, cấp đường theo định hướng Quy hoạch tỉnh. Đoạn đi qua đô thị, khu vực dự kiến hình thành đô thị, khu dân cư tập trung, khu chức năng sẽ thực hiện theo quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng).

- Đường huyện: Quy mô đường cấp IV-V đồng bằng, gồm các tuyến: Đường huyện 90, Đường huyện 91, Đường huyện 91B, Đường huyện 92, Đường huyện 93, Đường huyện 96, Đường huyện 97.

- Đường đô thị: Đầu tư xây dựng hệ thống đường đô thị theo quy hoạch các đô thị trong huyện. Trường hợp cần thiết, tại các đô thị (Châu Thành, Phú Tâm, An Hiệp, An Ninh) có các tuyến Quốc lộ, đường tỉnh đi xuyên qua, triển khai nghiên cứu các tuyến giao thông vành đai đô thị khi lập Quy hoạch chung đô thị.

- Đường giao thông nông thôn: Được đầu tư xây dựng theo quy hoạch chung xã. Quy mô các tuyến đường giao thông nông thôn đạt từ cấp C trở lên.

Ngoài ra, mạng lưới giao thông đường bộ của huyện có 03 tuyến đường giao thông kết nối khu vực và liên kết các xã đạt tiêu chuẩn cấp IV-V đồng bằng, gồm: đường DK.01, đường DK.02 và đường DK.03.

- Công trình đầu mối giao thông:

+ Mở mới bến xe Châu Thành đạt tối thiểu tiêu chuẩn bến loại 4, nằm trên tuyến Quốc lộ 1.

+ Đầu tư bến tàu khách Châu Thành nằm trên kênh Phụng Hiệp - Sóc Trăng tại thị trấn Châu Thành.

b) Giao thông thủy:

Hệ thống giao thông đường thủy trên địa bàn huyện, bao gồm: các tuyến đường thủy do tỉnh quản lý (kênh Phụng Hiệp - Sóc Trăng, kênh Ba Rinh mới) và các tuyến đường thủy do huyện quản lý. Định hướng cải tạo, duy trì các tuyến đường thủy do huyện quản lý đảm bảo luồng tuyến theo cấp kỹ thuật V-VI.

6.2. Định hướng quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a) San nền:

Lựa chọn cao độ nền phù hợp với điều kiện tự nhiên và theo từng khu vực, hướng dốc về các sông, kênh, rạch trong khu vực. Cụ thể:

- Tuy theo loại đô thị, cao độ nền không chế khu vực xây dựng công trình trong đô thị $\geq +2,15\text{m}$ (đối với đất dân dụng); $\geq +2,35\text{m}$ (đối với đất công nghiệp)

và $\geq +1,69\text{m}$ (đối với khu cây xanh, công viên, thể dục thể thao).

- Các khu vực còn lại có giải pháp san nền phù hợp với điều kiện địa hình tự nhiên và công năng sử dụng.

b) Thoát nước mưa:

- Đối với khu vực đô thị: 100% đường nội thị có hệ thống thoát nước mưa riêng.

- Đối với khu vực nông thôn: Các điểm dân cư tập trung phải có hệ thống thoát nước mưa. Tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương có các giải pháp khác nhau để xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng hoặc nửa riêng hoặc chung với hệ thống thoát nhưng phải có các biện pháp thu gom nước thải để xử lý trước khi xả ra môi trường.

6.3. Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống cấp nước:

a) Tiêu chuẩn cấp nước:

- Tiêu chuẩn cấp nước đô thị: 100 - 120 lít/người/ngày đêm (tùy theo loại đô thị).

- Tiêu chuẩn cấp nước nông thôn: 60 - 100 lít/người/ngày đêm (tùy theo định hướng hình thành đô thị của các xã trong từng giai đoạn).

b) Nguồn cấp nước và mạng lưới trạm cấp:

- Trong giai đoạn ngắn hạn:

+ Nâng cấp, cải tạo mạng lưới các trạm cấp nước hiện hữu kết hợp xây mới theo “Đề án cấp nước sạch nông thôn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn đến năm 2045” với tổng công suất đến năm 2025 là: $Q = 24.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

+ Giai đoạn ngắn hạn sẽ sử dụng cùng lúc 02 nguồn nước là nước mặt và nước ngầm để cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất.

- Giai đoạn dài hạn:

+ Tổng công suất cấp nước giai đoạn 2040 là $Q = 40.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

+ Tiếp tục nâng cấp các trạm cấp nước hiện hữu kết hợp xây mới theo nhu cầu phát triển trong từng giai đoạn. Quy mô, diện tích đất sử dụng, công suất của các trạm cấp nước sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn triển khai thực hiện dự án.

+ Đầu tư xây dựng nhà máy cấp nước mặt, công suất $10.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ tại KCN An Nghiệp theo định hướng quy hoạch tỉnh, nhằm cung cấp nguồn nước phục vụ sinh hoạt và công nghiệp kết hợp bổ sung nguồn cấp nước từ “Cụm nhà máy nước sông Hậu 1” của Vùng đồng bằng sông Cửu Long, và từng bước giảm dần khai thác nước ngầm.

+ Trường hợp cần thiết, kêu gọi đầu tư nhà máy cấp nước mặt trên địa bàn huyện với quy mô phù hợp, đảm bảo đáp ứng nhu cầu cấp nước sinh hoạt và sản xuất cho tỉnh và khu vực lân cận.

6.4. Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a) Thoát nước thải:

- Tiêu chuẩn thu gom nước thải sinh hoạt: $\geq 80\%$ lượng nước cấp sinh hoạt.

- Đối với khu vực đô thị: Xây dựng hệ thống các trạm xử lý nước thải tập trung hoặc phân tán (tùy theo điều kiện của từng đô thị), tổng công suất các trạm xử lý nước thải đô thị như sau:

- + Giai đoạn đến năm 2025: $Q = 5.700 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- + Giai đoạn đến năm 2030: $Q = 6.800 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- + Giai đoạn đến năm 2040: $Q = 10.100 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- + Giai đoạn đến năm 2050: $Q = 14.400 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

(Quy mô, diện tích đất sử dụng, công suất của các trạm xử lý nước sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn thực hiện dự án).

- Đối với khu vực nông thôn: Các điểm dân cư tập trung phải có hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường. Tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoặc nửa riêng hoặc chung với hệ thống thoát nước thải. Cho phép sử dụng hệ thống thoát nước mưa để thoát nước thải đã xử lý qua bể tự hoại.

- Đối với khu vực sản xuất công nghiệp: Xây dựng hệ thống thoát nước tập trung cho từng khu, cụm công nghiệp; thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường 100% trước khi xả ra môi trường.

b) Chất thải rắn: Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt 0,8 - 0,9 kg/người.ngày (tùy theo loại đô thị). Giai đoạn ngắn hạn, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom về bãi rác tập trung của huyện tại xã Thuận Hòa. Trong tương lai, chất thải rắn sinh hoạt của huyện được thu gom, tập kết và đưa đến khu xử lý chất thải rắn của liên huyện (Châu Thành, Kế Sách, Long Phú) sau khi được đầu tư theo định hướng Quy hoạch tỉnh.

c) Nghĩa trang: Từng bước đóng cửa và di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ không đảm bảo môi trường. Tiếp tục sử dụng nghĩa trang An Viên Thiên Đường tại xã An Ninh kết hợp đầu tư nghĩa trang tập trung của huyện tại xã Hồ Đắc Kiện. Xây dựng các đài hóa thân (hỏa táng) tại thị trấn và các xã theo phong tục tập quán của người dân.

6.5. Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống cấp điện:

a) Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt:

- Phụ tải điện sinh hoạt đô thị: $\geq 330 \text{ W}/\text{người}$.
- Phụ tải điện sinh hoạt nông thôn: $\geq 150 \text{ W}/\text{người}$.

b) Nguồn điện:

- Nguồn điện cấp cho huyện Châu Thành từ trạm biến áp 110/22kV-1x40MVA KCN An Nghiệp hiện hữu. Bên cạnh đó, huyện còn được cấp từ các

nguồn là các trạm Mỹ Tú, Phụng Hiệp và Sóc Trăng

- Nâng công suất trạm 110/22kV KCN An Nghiệp lên 2x40MVA đến 2030 và 2x63MVA đến 2050.

- Xây dựng mới trạm biến áp 110/22kV-1x63MVA Xây Đá B giai đoạn 2025-2035 và nâng công suất trạm lên thành 2x63MVA đến năm 2050.

7. Quy định quản lý theo quy hoạch xây dựng vùng huyện:

Lồng ghép quy định quản lý theo quy hoạch xây dựng vùng huyện và thực hiện quản lý theo thuyết minh tổng hợp của đề án quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành có trách nhiệm:

1. Phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch theo Biên bản thẩm định; đồng thời, cung cấp đầy đủ hồ sơ quy hoạch cho các đơn vị liên quan lưu trữ và quản lý quy hoạch theo quy định.

2. Tổ chức công bố công khai đề án quy hoạch này theo quy định tại Điều 40, Điều 41, Điều 42 Luật Xây dựng.

3. Phối hợp với các Sở ngành liên quan tổ chức thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 28 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP.UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trang TTĐT VP.UBND tỉnh;
- Lưu: XD, VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hoàng Nghiệp